

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 03/2024/HSST
Ngày 18/01/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Hằng và ông Lê Khắc Dũng.
- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoài Đông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Tiến - Kiểm sát viên.
- Những người tiến hành tố tụng tại điểm cầu thành phần: Ông Nguyễn Tất Tại, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ông Phạm Xuân Quyết, chức vụ: Thư ký Tòa án.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm: Hội trường A- Tòa án nhân dân huyện Ea Kar; tại điểm cầu thành phần: Nhà tạm giữ Công an huyện E, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/2023/HSST ngày 27/12/2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo.

Họ và tên: **Trần Văn N**; (Tên gọi khác: **N**); Giới tính: Nam; Sinh ngày 06/3/1998, tại **huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; Nơi cư trú: **Tổ dân phố B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không ổn định; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông: **Trần Văn P**, sinh năm 1971 và bà **Hàng Thị C**, sinh năm 1973, hiện sinh sống tại **tổ dân phố B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo Trần Văn N chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/11/2023 đến ngày 14/11/2023 chuyển tạm giam; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện E, số 28 ngày 14/11/2023 của Cơ quan CSĐT Công an huyện E

(Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị Mỹ L, sinh năm 1976 và anh Văn Đức P1, sinh năm 1995.

Cùng trú tại: Thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người làm chứng: Ông Trần N1, sinh năm 1956

Trú tại: **Thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)**

NHẬN THẤY:

Bị cáo **Trần Văn N** bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar truy tố về hành vi phạm tội như sau: **Trần Văn N** bắt đầu sử dụng ma túy đá từ khoảng tháng 10 năm 2022, trong thời gian sử dụng ma túy, nghe một số người nói tại **K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** có người tên “H” bán ma túy đá, nên khoảng 08^h00’ ngày 07/11/2023, N điều khiển xe mô tô biển số 47T1 – 287.34 (xe mượn của **Văn Đức P1** đi từ **huyện E, tỉnh Đắk Lắk** đến **K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** tìm người đàn ông tên **H** (không rõ nhân thân lai lịch) hỏi mua ma túy đá để sử dụng. Khi gặp “H, N hỏi mua 3.300.000 đồng (ba triệu ba trăm nghìn đồng) tiền ma túy đá, “H” đồng ý bán, sau khi cầm tiền của N, H đưa cho **N** 01 (Một) gói nylon (túi Zip màu trắng bên trong đựng ma túy đá; N cầm gói ma túy bỏ vào trong túi quần đang mặc trên người rồi điều khiển xe mô tô biển số 47T1 – 287.34 đi về nhà. Khoảng 12^h15’ cùng ngày, khi N đang điều khiển xe mô tô đến đoạn đường phía trước **cửa hàng X** thuộc **tổ dân phố C, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy **Công an tỉnh Đ** và **Công an huyện E, tỉnh Đắk Lắk** phát hiện bắt quả tang. Kiểm tra trên người N phát hiện thu giữ: 01 (Một) gói nylon màu trắng (túi Zip bên trong đựng chất rắn dạng tinh thể màu trắng (N khai nhận là ma túy đá). Cơ quan Công an lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong tang vật thu giữ theo quy định.

Tại Bản kết luận giám định số 1374/KL-KTHS ngày 14/11/2023 của **Phòng K Công an tỉnh Đ** kết luận: Chất rắn dạng tinh thể trong suốt bên trong 01 (Một) gói nylon dạng túi Zip được niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 1,7456gam, loại: Methamphetamine.

Bản Cáo trạng số 06/CT - VKS ngày 26/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar truy tố **Trần Văn N** về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Phản tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và giữ nguyên quyết định truy tố **Trần Văn N** về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt **Trần Văn N** từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

* *Các biện pháp tư pháp*: Áp dụng điểm c khoản 1; khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu, tiêu hủy 1.6994 gam ma túy, loại Methamphetamine vào toàn bộ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định là vật chứng liên quan đến vụ án (Mẫu vật còn lại sau giám định) vật cầm lưu hành

Trả lại cho **Trần Văn N** 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Pro.

Chấp nhận Cơ quan điều tra **Công an huyện E** trả lại cho bà **Huỳnh Thị Mỹ L** 01 xe mô tô biển kiểm soát 47T1 – 287.34 và giấy chứng nhận đăng ký xe.

Bị cáo không tranh luận với quan điểm của Viện kiểm sát, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện E Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa Trần Văn N khai nhận: Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường quy định của Nhà nước về quản lý chất gây nghiện, là đối tượng nghiện ma túy. Nên sáng ngày 07/11/2023 bị cáo đi mua ma túy cất trong người để sử dụng, trên đường về khoảng 12^h15 cùng ngày thì bị lực lượng Công an phát hiện và bắt quả tang, thu giữ trên người bị cáo 01 túi Zip bên trong chứa 1,7456 gam ma túy, loại Methamphetamine.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận: Hành vi cất giấu trái phép 1,7456 gam ma túy, loại Methamphetamine trong người để sử dụng của bị cáo Trần Văn N đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) ...;

c) Heroin, C1, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, bị cáo biết và nhận thức được rằng ma túy nói chung là chất gây nghiện, việc tàng trữ, mua bán, sử dụng trái phép các chất ma túy là nguyên nhân gây ra các tệ nạn trong xã hội, tiếp tay cho các đối tượng mua bán, sản xuất trái phép chất ma túy, nên bị pháp luật cấm, bởi hành vi đó đã xâm phạm đến sự độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy và trật tự an toàn xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ, do vậy mọi hành vi tàng trữ trái phép đều bị pháp luật trừng trị một cách nghiêm khắc. Song xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, là đối tượng nghiện hút, để thỏa mãn nhu cầu của bản thân, sáng ngày 07/11/2023 bị cáo đi mua ma túy cất giấu trong người để sử dụng thì bị bắt giữ, hành vi của bị cáo không những gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trong xã hội, nó còn làm ảnh hưởng đến lối sống của một bộ phận thanh niên trẻ là lực lượng lao động chính trong xã hội. Do đó, cần phải xử lý bị cáo cho tương xứng với hành vi mà bị cáo gây ra.

[4] Khi quyết định hình phạt, cần xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để lượng hình: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trình độ văn hóa thấp nên nhận thức về pháp luật có phần bị hạn chế, phạm tội lần đầu. Tại phiên tòa bị cáo thành thật khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét khi lượng hình cho bị cáo.

Xét thấy, bị cáo là đối tượng nghiện, nên không thể để cho bị cáo tự rèn luyện cải tạo ở ngoài đời sống xã hội được, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, mới mong giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân chấp hành pháp luật, có ích cho gia đình và xã hội sau khi tái hòa nhập cộng đồng.

[5] Về xử lý vật chứng: Trong khi bắt quả tang, Cơ quan Công an đã thu giữ của **Trần Văn N** 01 (Một) xe mô tô biển kiểm soát 47T1 – 287.34, loại SH, nhãn hiệu Hon da, màu sơn trắng đen; số máy: JF73EO0117217; số khung: RLHJF 7300GY 117161; 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe số: 47000040, mang tên **Huỳnh Thị Mỹ L**; 01 (Một) gói nylon màu trắng (túi **Zip** bên trong đựng chất rắn dạng tinh thể màu trắng; 01 (Một) điện thoại di động hiệu **Samsung** J7 pro, số IMEI 1: 353317094622603/01, số IMEI 2: 353318094622601/01, số sim 0816678698.

- Đối với 1,6994gam ma túy, loại Methamphetamine (mẫu vật còn lại sau giám định) và toàn bộ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu; là vật chứng của vụ án, vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với xe mô tô biển kiểm soát 47T1 – 287.34, bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, đây là tài sản của bà **Huỳnh Thị Mỹ L** giao cho **Văn Đức P1** để làm phương tiện đi lại. Ngày 07/11/2023, **Văn Đức P1** cho bị cáo mượn xe mô tô nhưng bà **Huỳnh Thị Mỹ L** và anh **Văn Đức P1** không biết việc bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên không có cơ sở để xem xét xử lý. Cần chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện E** đã Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô và giấy chứng nhận đăng ký xe trên cho bà **Huỳnh Thị Mỹ L** là chủ sở hữu hợp pháp.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu **Samsung** J7 Pro, là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho Trần Văn N.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, và hình phạt là có căn cứ cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

I. Về tội danh và hình phạt

Tuyên bố bị cáo **Trần Văn N** (Tên gọi khác: N.) phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn N **02 (Hai)** năm **06 (Sáu)** tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 07/11/2023.

II. Các biện pháp tư pháp

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1; khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu, tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 1,6994gam ma túy, loại Methamphetamine, được niêm phong trong bì thư và đóng dấu tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh Đ

Trả lại cho Trần Văn N, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro đã qua sử dụng và 01 sim điện thoại số 0816678698, số seri: 89840200011487964221. (Toàn bộ những vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/01/2024 được gửi tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar).

Chấp nhận Cơ quan điều tra Công an huyện E trả lại cho bà Huỳnh Thị Mỹ L là chủ sở hữu 01 xe mô tô biển kiểm soát 47T1 – 287.34 và Giấy chứng nhận đăng ký xe số 47000040.

III. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc Trần Văn N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

IV. Báo cho bị cáo được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn luật quy định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (Hoặc) kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Kar;
- Công an huyện Ea Kar;
- TANDTC;
- THADS huyện Ea Kar;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan
- Lưu HSVA, VPTA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

NGUYỄN MẠNH TUÂN